TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thuận
2. Ông Lê Phú Chánh Thể

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thành Trung

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên

Ngày 28/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26/4/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Trần Thị Kim B, sinh năm 1989

Địa chỉ: số 34, ấp 14, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

- **Bị đơn**: anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

(chị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Trần Thị Kim B trình bày:

Chị B và anh Nguyễn Thanh H kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/6/2009. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh chị đã ly thân khoảng 5 tháng nay.

Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh H nữa, chị yêu cầu Tòa án

giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: chị Trần Thị Kim B yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: chị Trần Thị Kim B và anh Nguyễn Thanh H có 1 con chung: Nguyễn CT, sinh ngày 21/10/2009. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 745.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: chị Trần Thị Kim B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Trần Thị Kim B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Thanh H đến để tiến hành hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện G mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn chị Trần Thị Kim B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Trần Thị Kim B khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh H có địa chỉ cư trú tại ấp 4, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Chị Trần Thị Kim B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Kim B và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/6/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị B cho rằng chị và anh H bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh chị hiện đã ly thân. Chị B đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành; nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nữa nên xin được ly hôn. Về phía anh H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh H tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H đã không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị B. Qua đó, cho thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn; anh H có thái độ bỏ mặc, không hề có ý mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị B.

Từ những phân tích trên xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Kim B và anh Nguyễn Thanh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì cả hai bên đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân vì thế không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: chị Trần Thị Kim B và anh Nguyễn Thanh H có 1 con chung: Nguyễn CT, sinh ngày 21/10/2009. Chị B yêu cầu sau khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi con chung, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 745.000 đồng/tháng.

Nhận thấy, cháu Nguyễn CT hiện đang sống với mẹ và có cuộc sống, học tập, sinh hoạt ổn định. Việc sống chung với mẹ là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của cháu Thành. Đồng thời, phía anh H cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét việc chị B yêu cầu anh H cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: chị Trần Thị Kim B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị Trần Thị Kim B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Trần Thị Kim B pH chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Thanh H pH chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim B đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh H, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Kim B được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn CT, sinh ngày 21/10/2009 cho chị Trần Thị Kim B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Buộc anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thành mỗi tháng 745.000 (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị Trần Thị Kim B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: chị Trần Thị Kim B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị Kim B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003426 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị B đã nộp xong tiền án phí.

Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: chị Trần Thị Kim B và anh Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương